

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Hùng.

Ông Triệu Kim Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh TH tham gia phiên toà:
Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS ngày 24/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc T, sinh năm 1998. (Xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKNKTT: Thôn KM, xã KT, huyện NL, tỉnh TH. Nơi ở hiện nay: Thôn QD, xã TT, huyện CG, tỉnh HD.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn V, sinh năm 1995. (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn KM, xã KT, huyện NL, tỉnh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Ngọc T trình bày: Chị và anh Bùi Văn V kết hôn với nhau vào ngày 24/4/2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KT, huyện NL, tỉnh TH, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là vào tháng 10/2021, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh V từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn V theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn V có một con chung là Bùi Bảo A, sinh ngày 07/7/2017. Hiện nay cháu BA đang ở cùng với anh V, chị đề nghị giao cháu Bùi Bảo A cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con cùng với anh V mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu BA đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2025 anh Bùi Văn V trình bày: Anh và chị T kết hôn ngày 24/4/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KT, huyện NL, tỉnh TH, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, thời gian về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh có nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Nay chị T khởi kiện ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là Bùi Bảo A, sinh ngày 07/7/2017. Hiện nay cháu BA đang ở cùng với anh, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Bùi Bảo A cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng với anh mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu BA thành niên.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Ngọc T được ly hôn anh Bùi Văn V. Giao cháu Bùi Bảo A cho anh Bùi Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Ngọc T cấp dưỡng nuôi con cùng với anh Bùi Văn V là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung thành niên. Chị Phạm Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Bùi Văn V, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng anh V không có mặt, Tòa án đã thông báo kết quả cho anh V theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh V đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh V vắng mặt,

nên Toà án không tiến hành hoà giải được, thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Chị T và anh V đều xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị T, anh V.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Ngọc T và anh Bùi Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Chị T và anh V đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị T và anh V đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh V.

[3] Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là Bùi Bảo A, sinh ngày 07/7/2017. Chị T và anh V đều có nguyện vọng giao con chung cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại các cháu BA đang do anh V chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu BA có nguyện vọng muốn được ở với bố, nên chấp nhận yêu cầu của chị T và anh V, giao con chung cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung theo đề nghị của chị T. Buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung thành niên.

[4] Về tài sản: Chị T và anh V không yêu cầu, nên không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Ngọc T được ly hôn anh Bùi Văn V

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 07/7/2017 cho anh Bùi Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi con thành niên.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở ngăn cấm.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Về án phí: Chị Phạm Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, theo biên lai số 0002522 ngày 20/02/2025. Chị Phạm Ngọc T còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Phạm Ngọc T và anh Bùi Văn V. Chị T và anh V có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện NL;
- Tòa án nhân dân tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện NL;
- UBND xã KT, huyện NL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

